

**BÌNH LUẬN VỀ NHỮNG NỘI DUNG ĐƯỢC VÀ CHƯA ĐƯỢC CỦA
DỰ THẢO 5.2 NGÀY 06/4/2014 LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SỬA ĐỔI
LIÊN QUAN ĐẾN ĐÁNH GIÁ MÔI TRƯỜNG CHIẾN LƯỢC (ĐMC),
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (ĐTM) VÀ
CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG (CBM)**

TS. Nguyễn Khắc Kinh

Nguyên Vụ trưởng Vụ Thẩm định và Đánh giá tác động môi trường,
Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Chủ tịch Hội Đánh giá tác động môi trường Việt Nam.

Nội dung:

1. Những kiểm khuyết, bất cập trong quy định liên quan đến ĐMC, ĐTM và CBM trong Luật BVMT 2005 đã được Dự thảo 5.2 ngày 06/4/2014 Luật BVMT (sửa đổi) điều chỉnh và có thể chấp nhận được.
2. Những kiểm khuyết, bất cập của Dự thảo 5.2 ngày 06/4/2014 Luật BVMT (sửa đổi) liên quan đến ĐMC, ĐTM và CBM; khuyến nghị về cách khắc phục.
3. Một số khuyến nghị khác.

1. Những kiểm khuyết, bất cập trong quy định liên quan đến ĐMC, ĐTM và CBM trong Luật BVMT 2005 đã được Dự thảo 5.2 ngày 06/4/2014 Luật BVMT (sửa đổi) điều chỉnh và có thể chấp nhận được

Dự thảo 5.2 ngày 06/4/2014	Luật BVMT 2005
1.1. Về ĐMC	
<p>Điều 13. Đối tượng phải <u>thực hiện</u> đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các vùng kinh tế - xã hội, vùng kinh tế trọng điểm, hành lang kinh tế, vành đai kinh tế.</p> <p>2. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương và các vùng kinh tế đặc biệt.</p> <p>3. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển khu kinh tế, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu công nghiệp.</p> <p>4. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực quy mô quốc gia, cấp vùng, cấp tỉnh có tác động lớn đến môi trường.</p>	<p>Điều 14. Đối tượng phải <u>lập báo cáo</u> đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cấp quốc gia.</p> <p>2. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực trên quy mô cả nước.</p> <p>3. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh), vùng.</p> <p>4. Quy hoạch sử dụng đất; bảo vệ và phát triển rừng; khai thác và sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác trên phạm vi liên tỉnh, liên vùng.</p> <p>5. Quy hoạch phát triển vùng kinh tế trọng điểm.</p>

<p>5. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên quy mô từ 02 tỉnh trở lên.</p> <p>6. Chiến lược, quy hoạch, kế hoạch khác thuộc danh mục do Chính phủ quy định.</p> <p>7. Các điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch có thời kỳ từ 05 năm trở lên của các đối tượng thuộc khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 của Điều này.</p>	<p>6. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông quy mô liên tỉnh.</p>
--	---

Bình luận:

- Về tên tiêu đề:* Việc điều chỉnh từ “đối tượng phải lập báo cáo ĐMC” (Luật BVMT 2005) thành “đối tượng phải thực hiện ĐMC” (Dự thảo) là **hoàn toàn đúng đắn và chấp nhận được**, bởi vì đã nhìn nhận được rằng ĐMC là một quá trình có nhiều bước, trong đó bước lập báo cáo ĐMC là bước cuối cùng của quá trình này.
- Về nội dung:* Các đối tượng cụ thể phải thực hiện ĐMC như Dự thảo là không có gì sai với nguyên tắc của ĐMC; tuy nhiên, hiện tại và trong khoảng 10 năm tới ở VN đã và sẽ còn thiếu nhiều các điều kiện cần thiết để thực hiện ĐMC và thẩm định báo cáo ĐMC, vì thế **nên hạn chế bớt đối tượng**, trong đó nên bỏ ngay đối tượng là “**kế hoạch**” (nếu đã làm tốt ĐMC ở khâu lập chiến lược, quy hoạch thì cũng không cần thiết lắm phải làm ĐMC cho khâu kế hoạch).

Điều 14. Thực hiện đánh giá môi trường chiến lược

- Cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch** quy định tại Điều 13 có trách nhiệm thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.
- Đánh giá môi trường chiến lược phải được thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch**.
- Kết quả thực hiện đánh giá môi trường chiến lược phải được xem xét, tích hợp vào nội dung chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch**.
- Trên cơ sở thực hiện đánh giá môi trường chiến lược, cơ quan được giao nhiệm vụ xây dựng chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch** có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược gửi cơ quan có thẩm quyền để thẩm định.

Điều 15. Lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

- Cơ quan được giao nhiệm vụ lập dự án quy định tại Điều 14 của Luật này có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
- Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là một nội dung của dự án và phải được lập đồng thời với quá trình lập dự án.

Bình luận:

Hoàn toàn đúng đắn và chấp nhận được. tuy nhiên, nếu đã bỏ “**kế hoạch**” ở Điều 13 của Dự thảo thì cũng phải bỏ “**kế hoạch**” ở Điều 14 này.

Điều 17. Tiếp thu ý kiến thẩm định và báo

Không có nội dung này

cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Cơ quan được giao nhiệm vụ lập chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch** có trách nhiệm hoàn chỉnh báo cáo đánh giá môi trường chiến lược và dự thảo chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch** trên cơ sở nghiên cứu, tiếp thu ý kiến của hội đồng thẩm định.
2. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược báo cáo bằng văn bản kết quả thẩm định cho cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch**.
3. Báo cáo kết quả thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược là căn cứ để cấp có thẩm quyền phê duyệt chiến lược, quy hoạch, **kế hoạch**.

Bình luận:

Hoàn toàn cần thiết và chấp nhận được. tuy nhiên, nếu đã bỏ “kế hoạch” ở Điều 13 của Dự thảo thì cũng phải bỏ “kế hoạch” ở Điều 17 này.

1.2. Về ĐTM

Điều 19. Đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.
2. Dự án có sử dụng đất của khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu di sản thế giới, khu dự trữ sinh quyển, khu danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng.
3. Dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường và xã hội do Chính phủ quy định.

Điều 18. Đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chủ các dự án sau đây phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường:
 - a) Dự án công trình quan trọng quốc gia;
 - b) Dự án có sử dụng một phần diện tích đất hoặc có ảnh hưởng xấu đến khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia, các khu di tích lịch sử - văn hoá, di sản tự nhiên, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng;
 - c) Dự án có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến nguồn nước lưu vực sông, vùng ven biển, vùng có hệ sinh thái được bảo vệ;
 - d) Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng khu kinh tế, khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, cụm làng nghề;
 - đ) Dự án xây dựng mới đô thị, khu dân cư tập trung;
 - e) Dự án khai thác, sử dụng nước dưới đất, tài nguyên thiên nhiên quy mô lớn;
 - g) Dự án khác có tiềm ẩn nguy cơ lớn gây tác động xấu đối với môi trường.

	2. Chính phủ quy định danh mục các dự án phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
<p>Bình luận:</p> <p>1. <i>Về tên tiêu đề:</i> Việc điều chỉnh từ “đối tượng phải <u>lập báo cáo ĐTM</u>” (Luật BVMT 2005) thành “đối tượng phải <u>thực hiện ĐTM</u>”(Dự thảo) là <u>hoàn toàn đúng đắn và chấp nhận được</u>, bởi vì, tương tự như ĐMC, việc lập báo cáo ĐTM chỉ là bước cuối cùng của quá trình ĐTM.</p> <p>2. <i>Về nội dung:</i> Có thể chấp nhận được (nếu có gì cần bàn luận thêm thì hãy đợi khi có dự thảo Nghị định của Chính phủ).</p>	
<p>Điều 21. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường</p> <p>1. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường nhằm hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, hạn chế thấp nhất các tác động xấu đến môi trường và con người, bảo đảm sự phát triển bền vững của dự án.</p> <p>2. Chủ đầu tư dự án phải tổ chức tham vấn các cơ quan nhà nước, cộng đồng chịu tác động trực tiếp bởi dự án.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết đối tượng, nội dung, phương pháp tham vấn phù hợp với loại hình, quy mô của dự án.</p> <p>3. Các trường hợp sau đây không phải thực hiện tham vấn:</p> <p>a) Dự án đầu tư phù hợp với quy hoạch của khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường cho giai đoạn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng;</p> <p>b) Dự án thuộc danh mục dự án bí mật quốc gia do Chính phủ quy định.</p>	<p>Không có nội dung này</p>
<p>Bình luận:</p> <p>1. <i>Về tên tiêu đề:</i> <u>Hoàn toàn đúng và chấp nhận được</u> vì phù hợp với Điều 19 nêu trên.</p> <p>2. <i>Về nội dung:</i> Có thể tạm chấp nhận được, <u>nhưng cần bỏ Khoản 1</u>, bởi vì, Khoản 1 này chỉ nêu lên “mục đích”, “ý nghĩa” của việc tham vấn (“nhằm”) – đối với văn bản quy phạm pháp luật không cần nêu mục đích, ý nghĩa để làm gì; mặt khác, viết như vậy là chưa lột tả được hết mục đích, ý nghĩa của việc tham vấn (vì vậy “bỏ” là “thượng sách”). Nếu có gì cần bàn luận thêm thì hãy chờ dự thảo Nghị định của Chính phủ.</p>	
<p>1.3. Về CBM</p>	

2. Những khiếm khuyết, bất cập của Dự thảo 5.2 ngày 06/4/2014 Luật BVMT (sửa đổi) liên quan đến ĐMC, ĐTM và CBM; khuyến nghị về cách khắc phục

Khoản 22 Điều 3 (Giải thích từ ngữ): *Đánh giá môi trường chiến lược* là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển để đưa ra những giải pháp giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường nhằm bảo đảm mục tiêu phát triển bền vững.

Khoản 19 Điều 3 (Giải thích từ ngữ): *Đánh giá môi trường chiến lược* là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của dự án chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trước khi phê duyệt nhằm bảo đảm phát triển bền vững.

Khiếm khuyết, bất cập:

“Định nghĩa” về ĐMC của cả 02 văn bản này đều chẳng khác gì định nghĩa của ĐTM. Như vậy là không thể được, bởi vì ĐTM chỉ áp dụng được cho dự án đầu tư chứ không thể áp dụng cho C,Q,K (Luật BVMT 1993 và các văn bản dưới Luật này đã bị thất bại vì quy định ĐTM áp dụng cho tất cả C,Q,K – dự án đầu tư – cơ sở đang hoạt).

Dựa theo bản chất, yêu cầu của ĐMC và căn cứ tình hình thực tế của VN thời gian qua, nên có định nghĩa về ĐMC như sau:

“ĐMC là quá trình nghiên cứu tiến hành đồng thời với việc xây dựng một chiến lược (C), một quy hoạch (Q) về phát triển nhằm dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường cốt lõi có khả năng xảy ra bởi C, Q; đề xuất các giải pháp để duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường cốt lõi đó trong trường hợp thực hiện C, Q” (nên bỏ “kế hoạch” như đã nêu tại Mục 1 trên đây)

Điều 15. Nội dung chính của báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Sự cần thiết, cơ sở pháp lý của xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
2. Phương pháp thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.
3. Tóm tắt nội dung chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
4. Môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội vùng lãnh thổ chịu sự tác động của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
5. Đánh giá sự phù hợp của các quan điểm, mục tiêu của chiến lược, quy hoạch, kế hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường.
6. Đánh giá, dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
7. Đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch.
8. Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá

Điều 16. Nội dung báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Khái quát về mục tiêu, quy mô, đặc điểm của dự án có liên quan đến môi trường.
2. Mô tả tổng quát các điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, môi trường có liên quan đến dự án.
3. Dự báo tác động xấu đối với môi trường có thể xảy ra khi thực hiện dự án.
4. Chỉ dẫn nguồn cung cấp số liệu, dữ liệu và phương pháp đánh giá.
5. Đề ra phương hướng, giải pháp tổng thể giải quyết các vấn đề về môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

Bình luận: Tương tự như nội dung của báo cáo ĐTM nhưng lại kém chi tiết hơn báo cáo ĐTM, vì vậy, như đã nêu mục “giải thích từ ngữ” là **không thể chấp nhận được**.

môi trường chiến lược.

9. Đề xuất điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Kiểm khuyết, bắt cập đối với Điều 15 của Dự thảo:

Khoản 1: Dưới góc độ ĐMC không cần phải báo cáo về “sự cần thiết” của CQK, mặt khác, cơ quan thẩm định báo cáo ĐMC không có trách nhiệm xem xét, thẩm định về “sự cần thiết” của CQK – vậy thì cần loại bỏ - thay vào đó cần nêu được xuất xứ của CQK (quá trình hình thành xây dựng CQK); về cơ sở pháp lý, còn thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện ĐMC (rất cần thiết cơ sở này).

Khoản 3: Dưới góc độ ĐMC không cần thiết phải nêu tất cả các nội dung của CQK (nếu nêu hết trong báo cáo ĐMC sẽ bị quá dài dòng và vô ích), chỉ cần những nội dung có khả năng gây ảnh hưởng hoặc có liên quan đến môi trường mà thôi.

Khoản 4: Nếu đưa cả các nội dung về “môi trường KT-XH” là không khả thi, bởi vì ĐMC (cũng như ĐTM) chỉ có công năng đánh giá về “môi trường tự nhiên” mà thôi,

Khoản 6: Từ “đánh giá” ở đây là thừa và không phù hợp; “các vấn đề môi trường trong việc thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch” là không rõ ràng, khó hiểu – nếu vậy thì sẽ xảy ra sự “tùy tiện” trong thực hiện.

Khoản 7: Bất khả thi đối với ĐMC (đây là nội dung của đánh giá rủi ro).

Khoản 9: **Không thể chấp nhận được**, vì đã nhầm lẫn sang cách tiếp cận “ĐMC thực hiện sau khi đã có CQK” chứ không phải là “ĐMC thực hiện đồng thời với quá trình xây dựng” như quy định tại Khoản 2 Điều 14 của Dự thảo.

Thiếu nhiều nội dung quan trọng khác;

Chưa có quy định về các loại báo cáo ĐTM khác nhau như hiện tại quy định theo Nghị định số 29/2011/NĐ-CP và Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT (đang được xã hội chấp nhận)

Khuyến nghị về cách khắc phục: Riêng đối với loại báo cáo ĐMC chi tiết được lập riêng, nội dung cần viết lại như sau (bỏ “kế hoạch”):

1. Xuất xứ của chiến lược, quy hoạch (C,Q) và quá trình tổ chức thực hiện ĐMC.
2. Căn cứ pháp lý, thông tin và phương pháp để thực hiện ĐMC.
3. Tên của C, Q; tên, địa chỉ và phương tiện liên lạc của cơ quan lập C, Q; các nội dung của C, Q có khả năng ảnh hưởng đến các thành phần môi trường tự nhiên.
4. Phạm vi không gian ĐMC.
5. Các điều kiện tự nhiên, các thành phần môi trường tự nhiên có khả năng bị ảnh hưởng bởi C, Q.
6. Những vấn đề môi trường cốt lõi của C, Q theo từng phương án hay từng kịch bản của C, Q (trong trường hợp C, Q có từ 02 phương án hoặc 02 kịch bản trở lên) và có tính đếm đến mối quan hệ với các vấn đề môi trường chính, vấn đề môi trường cốt lõi của các C, Q khác có liên quan và đã được phê duyệt.
7. So sánh, đánh giá về mức độ phù hợp giữa các quan điểm, mục tiêu của C, Q này với các quan điểm, mục tiêu của các văn bản hiện hành của Đảng, Nhà nước và của các C, Q khác có liên quan và đã được phê duyệt.
8. Dự báo xu hướng của từng vấn đề môi trường cốt lõi trong trường hợp không thực hiện C, Q và trường hợp thực hiện C,Q theo từng phương án hoặc từng kịch bản của C, Q (trường

hợp C, Q có từ 02 phương án hoặc 02, kịch bản trở lên) có tính đếm đến sự biến đổi khí hậu và các tai biến thiên nhiên khác (dựa theo kết quả của Đánh giá rủi ro).

9. Phương hướng, giải pháp để duy trì xu hướng tích cực, giảm thiểu xu hướng tiêu cực trong trường hợp thực hiện C, Q có tính đếm đến sự biến đổi khí hậu và các tai biến thiên nhiên khác (dựa theo kết quả của Đánh giá rủi ro).
10. Đề xuất lựa chọn phương án hoặc kịch bản tối ưu của C, Q dưới góc độ của ĐMC.
11. Phương hướng quản lý môi trường trong quá trình thực hiện C, Q theo phương án hoặc kịch bản tối ưu đã đề xuất.
12. Tham vấn các bên liên quan trong quá trình ĐMC.
13. Những vấn đề còn thiếu chắc chắn, thiếu tin cậy trong quá trình thực hiện ĐMC và kiến nghị hướng xử lý tiếp theo.
14. Phương hướng thực hiện ĐTM trong giai đoạn xây dựng các dự án đầu tư.
15. Kết luận, kiến nghị và cam kết.

Điều 16. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Trách nhiệm tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch do Quốc hội Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định.

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình.

c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Việc thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được tiến hành thông qua hội đồng thẩm định do thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược thành lập.

3. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tổ chức điều tra, đánh giá thông tin trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lấy ý kiến phản biện của các tổ chức, chuyên gia có liên quan.

4. Chính phủ quy định chi tiết việc lập, thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.

Điều 17. Thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

1. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được một hội đồng tổ chức theo quy định tại khoản 7 Điều này thẩm định.

2. Thành phần của hội đồng thẩm định đối với các dự án có quy mô quốc gia, liên tỉnh bao gồm đại diện của cơ quan phê duyệt dự án; đại diện của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan đến dự án; các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của dự án; đại diện của tổ chức, cá nhân khác do cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định quyết định.

3. Thành phần của hội đồng thẩm định đối với các dự án của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương bao gồm đại diện của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và các ban, ngành cấp tỉnh có liên quan; các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của dự án; đại diện của tổ chức, cá nhân khác do cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định quyết định.

4. Hội đồng thẩm định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải có trên năm mươi phần trăm số thành viên có chuyên môn về môi trường và các lĩnh vực liên quan đến nội dung dự án. Người trực tiếp tham gia lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược không được tham gia hội đồng thẩm định.

5. Tổ chức, cá nhân có quyền gửi yêu cầu, kiến nghị về bảo vệ môi trường đến cơ quan tổ chức hội đồng thẩm định và cơ quan phê duyệt dự án; hội đồng và cơ quan phê duyệt dự án có trách nhiệm xem xét các yêu cầu, kiến nghị trước khi đưa ra kết luận, quyết định.

6. Kết quả thẩm định báo cáo môi trường chiến lược là một trong những căn cứ để phê duyệt dự án.

7. Trách nhiệm tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược được quy định như sau:

a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược

	<p>đối với các dự án do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;</p> <p>b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của mình;</p> <p>c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.</p> <p>(có quá nhiều bất cập nên đã phải sửa)</p>
--	--

Kiểm khuyết, bất cập đối với Điều 16 của Dự thảo:

- Bất cập lớn nhất là liên quan đến Điểm b Khoản 1 – đây là việc “vừa đá bóng, vừa thổi còi” sẽ không thể khách quan được (thực tế thời gian qua đã xảy ra);
- Thiếu một số nội dung quan trọng.

Khuyến nghị về cách khắc phục:

Tiêu đề của **Điều 16** nên điều chỉnh là **“Tổ chức thẩm định báo cáo ĐMC và thông báo kết quả thẩm định”**, trong đó có những khoản, điểm như sau:

1. Trách nhiệm thẩm định báo cáo ĐMC:

a) Bộ TN&MT thẩm định báo cáo ĐMC đối với C, Q thuộc thẩm quyền phê duyệt của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; của bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (trừ C, Q có yếu tố bí mật an ninh, quốc phòng);

b) Sở TN&MT thẩm định báo cáo ĐMC đối với C, Q thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND, HĐND cấp tỉnh, (cấp huyện ?) (trừ C, Q có yếu tố bí mật an ninh, quốc phòng);

c) Chính phủ quy định về trách nhiệm thẩm định và tổ chức việc thẩm định báo cáo ĐMC đối với các C, Q có yếu tố an ninh, quốc phòng.

2. Cơ quan được giao trách nhiệm thẩm định báo cáo ĐMC theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thành lập một hội đồng để tư vấn cho mình về tính hợp quy, tính khoa học, tính thực tiễn của báo cáo ĐMC.

3. Thành phần hội đồng thẩm định bao gồm các nhà khoa học và quản lý am hiểu về môi trường, về các lĩnh vực chuyên môn liên quan đến C, Q.

4. Cơ quan thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược tổ chức điều tra, đánh giá thông tin trong báo cáo đánh giá môi trường chiến lược; lấy ý kiến phản biện của các tổ chức, chuyên gia có liên quan.

5. Sau khi hoàn thành việc tổ chức thẩm định báo cáo ĐMC, cơ quan được giao trách nhiệm thẩm định phải gửi văn bản thông báo về kết quả thẩm định kèm theo báo cáo ĐMC đã được thông qua đến cơ quan phê duyệt C, Q để làm căn cứ xem xét và phê duyệt C, Q.

6. Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt C, Q chỉ được xem xét, phê duyệt C, Q sau khi nhận được văn bản thông báo kết quả thẩm định.

7. Chính phủ (hoặc Bộ TN&MT ?) quy định về việc tổ chức và hoạt động của hội đồng thẩm định báo cáo ĐMC và việc thông báo kết quả thẩm định báo cáo ĐMC.

Điều 18. Điều kiện tổ chức xây dựng báo cáo

Không có nội dung này

<p>đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Có cán bộ được cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>2. Có đủ điều kiện để tổ chức phân tích, đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>Chính phủ quy định chi tiết điều kiện tổ chức xây dựng báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.</p>	
<p><i>Kiểm khuyết, bắt cập đối với Điều 18 của Dự thảo:</i></p> <p>- Về tiêu đề của Điều 18: Không phù hợp bởi cụm từ “xây dựng báo cáo ĐMC”;</p> <p>- Về nội dung: Không rõ ràng; cụm từ “phân tích” là thừa và gây khó hiểu. Không nên giao cho Chính phủ quy định, mà nên giao cho Bộ TN&MT cho nhất quán với quy định về ĐTM (dưới đây).</p> <p><i>Khuyến nghị về cách khắc phục:</i></p> <p>Điều 18. Điều kiện thực hiện đánh giá môi trường chiến lược</p> <p>1. Cơ quan được giao nhiệm vụ lập C, Q có đủ các điều kiện hoặc thuê cơ quan tư vấn có đủ các điều kiện sau đây để thực hiện ĐMC:</p> <p>a) Có đủ số lượng cán bộ được cấp chứng chỉ hành nghề về đánh giá môi trường chiến lược do cơ quan có thẩm quyền cấp;</p> <p>b) Có đủ điều kiện cần thiết để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.</p> <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề về ĐMC, giấy chứng nhận tổ chức hoạt động tư vấn thực hiện ĐMC và cụ thể hóa các điều kiện nêu trên.</p>	
<p>2.2. Về ĐTM</p>	
<p>Khoản 23 Điều 3 (Giải thích từ ngữ): <i>Đánh giá tác động môi trường</i> là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.</p>	<p>Khoản 20 Điều 3 (Giải thích từ ngữ): <i>Đánh giá tác động môi trường</i> là việc phân tích, dự báo các tác động đến môi trường của dự án đầu tư cụ thể để đưa ra các biện pháp bảo vệ môi trường khi triển khai dự án đó.</p>
<p><i>Kiểm khuyết, bắt cập:</i></p> <p>“Định nghĩa” về ĐTM của cả 02 văn bản này giống nhau hoàn toàn và đều có những bất cập, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ “phân tích” là thừa và gây khó hiểu vì đã “dự báo” thì gồm cả phân tích ở trong đó rồi! - Không rõ “các tác động” là tiêu cực hay tích cực ? - Không rõ “các biện pháp BVMT” cụ thể đối với ĐTM là gì ? <p>Dựa theo bản chất và nội dung của ĐTM, tình hình thực tế của VN thời gian qua và để hài hòa với quốc tế, nên có định nghĩa về ĐTM như sau:</p>	

“ĐTM là quá trình nghiên cứu để nhận dạng, dự báo các tác động tích cực và tiêu cực có thể xảy ra của dự án đầu tư đến môi trường tự nhiên; trên cơ sở đó đề ra các biện pháp nhằm duy trì, phát huy các tác động tích cực và phòng ngừa, giảm nhẹ, giảm thiểu các tác động tiêu cực”.

Điều 20. Thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 19 phải thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường.

2. Việc đánh giá tác động môi trường phải thực hiện trong **giai đoạn nghiên cứu đầu tư của dự án**.

3. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường thể hiện dưới hình thức báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai dự án trong thời gian ba mươi sáu (36) tháng, kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường;

b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

c) Tăng quy mô, công suất so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

d) Thay đổi nội dung dự án làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

5. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường **trong nguồn vốn đầu tư dự án do chủ dự án chịu trách nhiệm**.

Điều 19. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chủ dự án quy định tại Điều 18 của Luật này có trách nhiệm lập báo cáo đánh giá tác động môi trường trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Báo cáo đánh giá tác động môi trường phải được lập đồng thời với báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án.

3. Chủ dự án tự mình hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm về các số liệu, kết quả nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Trường hợp có thay đổi về quy mô, nội dung, thời gian triển khai, thực hiện, hoàn thành dự án thì chủ dự án có trách nhiệm giải trình với cơ quan phê duyệt; trường hợp cần thiết phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung.

5. Tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường phải có đủ điều kiện về cán bộ chuyên môn, cơ sở vật chất - kỹ thuật cần thiết.

Khiếm khuyết, bất cập đối với Điều 20 của Dự thảo:

- Khoản 2: Không xác định rõ thời điểm phải thực hiện ĐTM bởi vì không rõ “giai đoạn nghiên cứu đầu tư của dự án” là lúc nào ? Thời gian qua các quy định về đầu tư, về xây dựng ... rất hay bị thay đổi, sắp tới sẽ còn thay đổi nữa, vì thế cần có cách quy định để Luật BVMT chủ động hơn và bảo đảm nguyên tắc của ĐTM là phải thực hiện “trước khi quyết định địa điểm của dự án.

- Không xác định việc thực hiện ĐTM này là ở mức độ nào ? sơ bộ hay chi tiết ? Theo kinh

nghiệm quốc tế, ít nhất người ta phải thực hiện ĐTM ở 02 mức độ (sơ bộ và chi tiết) tùy theo mức độ chi tiết của dự án đầu tư và mức độ chi tiết của các thông tin về đối tượng bị tác động (môi trường tự nhiên) – nếu chưa có đủ thông tin để làm ĐTM chi tiết ngay thì phải làm ĐTM sơ bộ trước để phục vụ cho việc lựa chọn địa điểm dự án là chính; nếu đã có đủ thông tin thì chỉ cần làm ĐTM chi tiết thôi (hiếm khi xảy ra trong thực tế).

Khuyến nghị về cách khắc phục: Nên viết lại Điều này như sau:

Điều 20. Thực hiện đánh giá tác động môi trường; lập và lập lại báo cáo ĐTM

1. Chủ dự án thuộc đối tượng quy định tại Điều 19 phải thực hiện hoặc thuê tổ chức tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường.

2. Kết quả thực hiện đánh giá tác động môi trường là căn cứ để lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; tùy theo mức độ chi tiết của các thông tin phục vụ cho việc thực hiện ĐTM mà báo cáo ĐTM được lập theo một trong 02 trường hợp sau đây:

a) Trường hợp ngay từ ban đầu chưa có đủ các thông tin cần thiết để lập báo cáo ĐTM chi tiết thì phải lập báo cáo ĐTM sơ bộ và trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định và phê duyệt trước khi quyết định lựa chọn địa điểm của dự án; khi dự án có đủ thông tin cần thiết thì lập báo cáo ĐTM chi tiết và trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định và phê duyệt trước khi khởi công dự án:

b) Trường hợp ngay từ ban đầu đã có đủ các thông tin cần thiết để lập báo cáo ĐTM chi tiết thì lập ngay báo cáo ĐTM chi tiết và trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định và phê duyệt trước khi quyết định lựa chọn địa điểm của dự án và đó là căn cứ để khởi công dự án.

3. Chủ dự án phải lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường *chi tiết* trong các trường hợp sau đây:

a) Không triển khai dự án trong thời gian ba mươi sáu (36) tháng, kể từ thời điểm quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường *chi tiết*;

b) Thay đổi địa điểm thực hiện dự án so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt;

c) Tăng quy mô, công suất so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường *chi tiết* đã được phê duyệt;

d) Thay đổi nội dung dự án làm tăng tác động xấu đến môi trường so với phương án trong báo cáo đánh giá tác động môi trường *chi tiết* đã được phê duyệt.

4. Chi phí lập, thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường sơ bộ và báo cáo ĐTM chi tiết được lấy từ nguồn vốn đầu tư cho dự án.

Điều 22. Điều kiện của tổ chức thực hiện đánh giá tác động môi trường

1. Có cán bộ có chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá tác động môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Có đủ điều kiện kỹ thuật để đo đạc, phân tích và đánh giá tác động môi trường.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề tư vấn đánh giá tác

Điều 19. Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường

3. Chủ dự án tự mình hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và chịu trách nhiệm về các số liệu, kết quả nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

<p>động môi trường, giấy chứng nhận tổ chức hoạt động tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường.</p>	
<p>Khiểm khuyết, bất cập đối với Điều 22 của Dự thảo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu đề: Khó hiểu bởi cụm từ “của tổ chức”. - Nội dung: Không rõ ràng <p>Khuyến nghị về cách khắc phục:</p> <p>Điều 22. Điều kiện thực hiện đánh giá tác động môi trường</p> <p>1. Chủ dự án có các đủ điều kiện hoặc thuê cơ quan tư vấn có đủ các điều kiện sau đây để thực hiện ĐTM:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Có <u>đủ số lượng</u> cán bộ <u>được cấp</u> chứng chỉ hành nghề <u>về</u> đánh giá tác động môi trường do cơ quan có thẩm quyền cấp. b) Có đủ điều kiện kỹ thuật để đo đạc, <u>lấy mẫu</u>, phân tích và <u>tiến hành</u> đánh giá tác động môi trường. <p>2. Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề <u>về</u> đánh giá tác động môi trường, giấy chứng nhận tổ chức hoạt động tư vấn thực hiện đánh giá tác động môi trường <u>và cụ thể hóa các điều kiện nêu trên.</u></p>	
<p>Điều 23. Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Xuất xứ của dự án, chủ dự án, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dự án; phương pháp đánh giá tác động môi trường. 2. Mô tả chi tiết công nghệ, các hạng mục công trình và các hoạt động của dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường. 3. Đánh giá tình hình kinh tế - xã hội và môi trường nơi thực hiện dự án và vùng lân cận. 4. Đánh giá, dự báo các nguồn thải và các tác động của dự án đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 5. Biện pháp xử lý chất thải. 6. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường và sức khỏe cộng đồng. 7. Kết quả tham vấn. 8. Chương trình quản lý và giám sát môi trường. 9. Kinh phí xây dựng các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường. 	<p>Điều 20. Nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Liệt kê, mô tả chi tiết các hạng mục công trình của dự án kèm theo quy mô về không gian, thời gian và khối lượng thi công; công nghệ vận hành của từng hạng mục công trình và của cả dự án. 2. Đánh giá chung về hiện trạng môi trường nơi thực hiện dự án và vùng kế cận; mức độ nhạy cảm và sức chịu tải của môi trường. 3. Đánh giá chi tiết các tác động môi trường có khả năng xảy ra khi dự án được thực hiện và các thành phần môi trường, yếu tố kinh tế - xã hội chịu tác động của dự án; dự báo rủi ro về sự cố môi trường do công trình gây ra. 4. Các biện pháp cụ thể giảm thiểu các tác động xấu đối với môi trường; phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường. 5. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành công trình. 6. Danh mục công trình, chương trình quản lý và giám sát các vấn đề môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án. 7. Dự toán kinh phí xây dựng các hạng mục công trình bảo vệ môi trường trong tổng dự toán kinh phí của dự án. 8. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã), đại diện cộng đồng dân cư nơi thực hiện dự án; các ý kiến không tán thành việc đặt dự án tại địa phương hoặc không tán thành đối với các giải pháp bảo vệ môi trường phải được nêu

10. Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

trong báo cáo đánh giá tác động môi trường.

9. Chỉ dẫn nguồn cung cấp số liệu, dữ liệu và phương pháp đánh giá.

Kiểm khuyết, bất cập đối với Điều 23 của Dự thảo:

- Không rõ đây là báo cáo ĐTM chi tiết hay sơ bộ ?
- Văn viết lộn xộn;
- Có sự không rõ ràng giữa “chất thải” và “tác động”
- Có sự nhầm lẫn sang nội dung của Đánh giá tác động xã hội, Đánh giá tác động sức khỏe, Đánh giá tác động kinh tế;
- Không nên quy định về kinh phí, vì không cần thiết (cơ quan thẩm định ĐTM không có trách nhiệm xem xét về kinh phí; mặt khác, khả năng trượt giá rất lớn (có dự án từ khi làm ĐTM cho đến khi đi vào vận hành phải mất 5 – 7 năm)

Khuyến nghị về cách khắc phục:

Điều 23. Nội dung chính của báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 22 của Luật này, báo cáo ĐTM sơ bộ có những nội dung chính của các báo cáo ĐTM sơ bộ phải tập trung chủ yếu vào việc lựa chọn địa điểm của dự án; cụ thể:

- a) Nội dung dự án có khả năng gây tác động đến môi trường;
- b) Phạm vi không gian ĐTM (không gian có khả năng bị tác động bởi dự án);
- c) Những dự án đầu tư khác đã được phê duyệt và những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện đang hoạt động trong phạm vi không gian ĐTM;
- d) Đánh giá sức chịu tải của môi trường trong phạm vi không gian ĐTM tại thời điểm xây dựng dự án và dự báo sức chịu tải của môi trường khi dự án đi vào giai đoạn vận hành;
- đ) Dự báo các tác động tích cực và tiêu cực của dự án (có tính đến sự cộng hưởng với tác động của các dự án khác đã được phê duyệt; với tác động các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện đang hoạt động trong phạm vi không gian ĐTM; và với tác động của sự biến đổi khí hậu và của các tai biến thiên nhiên khác);
- d) Khả năng khắc phục các tác động tiêu cực của dự án đến môi trường.

2. Đối với trường hợp quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 22 của Luật này, báo cáo ĐTM chi tiết có những nội dung chính sau đây:

- a) Tóm tắt những nội dung chính của báo cáo ĐTM sơ bộ đã được phê duyệt;
- b) Mô tả chi tiết các nội dung của dự án có khả năng gây ra các tác động đến môi trường;
- c) Mô tả chi tiết phạm vi không gian ĐTM (không gian có khả năng bị tác động bởi dự án);
- d) Mô tả chi tiết các điều kiện tự nhiên, các thành phần môi trường tự nhiên có khả năng bị tác động bởi dự án trong phạm vi không gian ĐTM;
- đ) Dự báo chi tiết các tác động tích cực và tiêu cực có khả năng gây ra bởi dự án (có tính đến sự cộng hưởng với tác động của các dự án khác đã được phê duyệt; với tác động các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện đang hoạt động trong phạm vi không gian ĐTM; và với tác động của sự biến đổi khí hậu và của các tai biến thiên nhiên khác);
- e) Đề xuất chi tiết các biện pháp để duy trì các tác động tích của dự án (nếu có); loại trừ, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án;
- g) Đề xuất chương trình quản lý môi trường (bao gồm cả các nội dung về quan trắc môi trường) trong các giai đoạn của dự án.

3. Đối với trường hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 22 của Luật này, báo cáo ĐTM chi

tiết có những nội dung chính sau đây:

- a) Mô tả chi tiết các nội dung của dự án có khả năng gây ra các tác động đến môi trường;
- b) Mô tả chi tiết phạm vi không gian ĐTM (không gian có khả năng bị tác động bởi dự án);
- c) Mô tả chi tiết các điều kiện tự nhiên, các thành phần môi trường tự nhiên có khả năng bị tác động bởi dự án trong phạm vi không gian ĐTM;
- d) Đánh giá sức chịu tải của môi trường trong phạm vi không gian ĐTM tại thời điểm xây dựng dự án và dự báo sức chịu tải của môi trường khi dự án đi vào giai đoạn vận hành;
- đ) Dự báo chi tiết các tác động tích cực và tiêu cực có khả năng tạo ra bởi dự án (có tính đến đến sự cộng hưởng với tác động của các dự án khác đã được phê duyệt; với tác động các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hiện đang hoạt động trong phạm vi không gian ĐTM; và với tác động của sự biến đổi khí hậu và của các tai biến thiên nhiên khác);
- e) Đề xuất các biện pháp để duy trì các tác động tích (nếu có) và biện pháp loại trừ, giảm thiểu các tác động tiêu cực của dự án;
- g) Đề xuất chương trình quản lý môi trường (bao gồm cả các nội dung về quan trắc môi trường) trong các giai đoạn triển khai dự án.

Điều 24. Thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; các dự án liên ngành, liên tỉnh và các dự án do Chính phủ quy định, trừ các dự án thuộc bí mật an ninh, quốc phòng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình.

3. Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt đầu tư của mình và các dự án bí mật an ninh, quốc phòng.

4. Cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh tổ chức thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án đầu tư trên địa bàn không thuộc các đối tượng quy định tại các khoản 1, 2 và 3 của Điều này.

Điều 21. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

7. Trách nhiệm tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án được quy định như sau:

- a) Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án do Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định, phê duyệt; dự án liên ngành, liên tỉnh;
- b) Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình, trừ dự án liên ngành, liên tỉnh;
- c) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định hoặc tuyển chọn tổ chức dịch vụ thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án trên địa bàn quản lý thuộc thẩm quyền quyết định, phê duyệt của mình và của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

Kiểm khuyết, bất cập đối với Điều 24 của Dự thảo:

- Thiếu thẩm quyền “phê duyệt”;
- Khoản 2: Quy định như vậy là gây ra tình trạng “Vừa đá bóng vừa thổi còi” và sẽ có nhiều khả năng thiếu khách quan

- Khoản 4: Nên thống nhất như ĐTM là giao cho Sở TN&MT.

Khuyến nghị về cách khắc phục: Điều 24 nên viết lại như sau:

Điều 24. Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Bộ TN&MT tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM đối với dự án quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; dự án đầu tư có địa điểm liên tỉnh; dự án đầu tư có tiềm ẩn tác động tiêu cực lớn đến môi trường theo quy định của Chính phủ (trừ trường hợp quy định tại **Điểm c Khoản 1 Điều này**);

b) Sở TN&MT cấp tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo ĐTM đối với dự án đầu tư thuộc địa bàn của tỉnh (trừ dự án có báo cáo ĐTM thuộc thẩm quyền thẩm định và phê duyệt của Bộ TN&MT và trường hợp quy định tại **Điểm c Khoản 1 Điều này**) và trình UBND cấp tỉnh phê duyệt;

c) Bộ Công an, Bộ Quốc phòng tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo ĐTM, bản giải trình tác động môi trường; xem xét và xác nhận bản kê khai tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, các đề xuất về đầu tư có yếu tố bí mật an ninh, quốc phòng theo quy định của Chính phủ;

Điều 25. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao thẩm định tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về **cách thức** thẩm định.

2. Thành viên hội đồng thẩm định và các cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan của những kết luận của mình.

3. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản biện của các tổ chức và chuyên gia để thẩm định **và phê duyệt** báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Trong **thời hạn** thẩm định, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án để thực hiện.

Điều 21. Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường được thực hiện thông qua hội đồng thẩm định hoặc tổ chức dịch vụ thẩm định.

Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện và hướng dẫn hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của tổ chức dịch vụ thẩm định.

2. Thành phần hội đồng thẩm định đối với các dự án quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều này bao gồm đại diện của cơ quan phê duyệt dự án; cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường của cơ quan phê duyệt dự án; cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh nơi thực hiện dự án; các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của dự án; đại diện của tổ chức, cá nhân khác do cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định quyết định.

3. Thành phần của hội đồng thẩm định đối với các dự án quy định tại điểm c khoản 7 Điều này bao gồm đại diện Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường và các sở, ban chuyên môn cấp tỉnh có liên quan; các chuyên gia có kinh nghiệm, trình độ chuyên môn phù hợp với nội dung, tính chất của dự án; đại diện của tổ chức, cá nhân khác do cơ quan có thẩm quyền thành lập hội đồng thẩm định quyết định.

Trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể mời đại diện của Bộ Tài nguyên và Môi trường, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan tham gia hội đồng thẩm định.

4. Hội đồng thẩm định quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này phải có trên năm mươi phần trăm số thành viên có chuyên môn về môi trường và lĩnh vực có liên quan đến nội dung dự án. Người trực tiếp tham gia lập báo cáo đánh giá tác động môi trường không được tham gia hội đồng thẩm định.

	<p>5. Tổ chức dịch vụ thẩm định được tham gia thẩm định theo quyết định của cơ quan phê duyệt dự án và phải chịu trách nhiệm về ý kiến, kết luận thẩm định của mình.</p> <p>6. Tổ chức, cộng đồng dân cư, cá nhân có quyền gửi yêu cầu, kiến nghị về bảo vệ môi trường đến cơ quan tổ chức việc thẩm định quy định tại khoản 7 Điều này; cơ quan tổ chức thẩm định có trách nhiệm xem xét yêu cầu, kiến nghị đó trước khi đưa ra kết luận, quyết định.</p> <p>7. Trách nhiệm tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với dự án được quy định như sau:</p>
<p><i>Kiểm khuyết, bất cập đối với Điều 25 của Dự thảo:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên của Điều 25 chưa rõ, chưa thật phù hợp với nội dung; - Chưa có quy định về thời hạn thẩm định; - Có sự lẫn lộn với “phê duyệt”. <p><i>Khuyến nghị về cách khắc phục:</i> Điều 24 nên viết lại như sau:</p> <p>Điều 25. <u>Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường</u></p> <p>1. Thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan được giao <u>thẩm quyền thẩm định quy định tại Điều 24 của Luật này</u> có trách nhiệm tổ chức việc thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thông qua hội đồng thẩm định hoặc lấy ý kiến của các cơ quan, <u>các chuyên gia</u> có liên quan và chịu trách nhiệm trước pháp luật về <u>kết quả thẩm định</u>.</p> <p>2. Thành phần hội đồng thẩm định bao gồm các nhà khoa học và quản lý am hiểu về môi trường, về các lĩnh vực chuyên môn liên quan đến dự án.</p> <p>3. Hội đồng thẩm định, các cơ quan và các chuyên gia được lấy ý kiến có trách nhiệm thẩm định về tính hợp quy, tính khoa học, tính thực tiễn của báo cáo ĐTM; đồng thời, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, khách quan của <u>các ý kiến</u> của mình.</p> <p>4. Trong trường hợp cần thiết, cơ quan thẩm định tổ chức khảo sát thực tế, lấy ý kiến phản biện của các tổ chức và chuyên gia để thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>5. Thời hạn thẩm định như sau:</p> <p>a)</p> <p>b)</p> <p>6. Trong thời hạn thẩm định, trường hợp có yêu cầu chỉnh sửa, bổ sung, cơ quan thẩm định có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho chủ đầu tư dự án để thực hiện.</p>	
<p>Điều 26. <u>Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</u></p> <p>1. Sau khi nhận được báo cáo đánh giá tác động môi trường hoàn chỉnh theo kết luận của Hội đồng thẩm định, thủ trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường có trách nhiệm phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; nếu không phê duyệt phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	

<p>2. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường là căn cứ đề cấp có thẩm quyền:</p> <p>a) Quyết định chủ trương đầu tư dự án;</p> <p>b) Cấp, điều chỉnh giấy phép thăm dò, giấy phép khai thác khoáng sản đối với dự án thăm dò, khai thác khoáng sản;</p> <p>c) Phê duyệt kế hoạch thăm dò, kế hoạch phát triển mỏ đối với dự án thăm dò, khai thác dầu khí;</p> <p>d) Cấp, điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với dự án có hạng mục xây dựng công trình thuộc đối tượng phải có giấy phép xây dựng;</p> <p>đ) Quyết định đầu tư đối với dự án không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, c và d của khoản này.</p>	
<p><i>Kiểm duyệt, bắt cập đối với Điều 26 của Dự thảo:</i></p> <p>Khuyến nghị về hướng xử lý:</p>	
<p>Điều 27. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án sau khi báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt</p> <p>1. Thực hiện các yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; báo cáo cơ quan phê duyệt những thay đổi của dự án và chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến chấp thuận của cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.</p> <p>2. Lập kế hoạch bảo vệ môi trường cho giai đoạn vận hành chính thức của dự án theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.</p>	
<p><i>Kiểm duyệt, bắt cập đối với Điều 27 của Dự thảo:</i></p>	

Khuyến nghị về hướng xử lý:

Điều 28. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án trước khi đưa dự án vào vận hành

1. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Báo cáo cơ quan phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường kết quả thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường.

3. Tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan quản lý về bảo vệ môi trường kiểm tra việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường; cung cấp thông tin liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

4. Nếu xảy ra sự cố tác động xấu đến môi trường và con người, phải dừng ngay các hoạt động gây sự cố; xử lý sự cố; thông báo ngay cho cơ quan quản lý về môi trường và các cơ quan có liên quan để xử lý.

Khiểm khuyết, bất cập đối với Điều 28 của Dự thảo:

Khuyến nghị về hướng xử lý:

Điều 29. Trách nhiệm của cơ quan quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thẩm định và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

2. Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, thanh tra, đánh

giá kết quả việc thực hiện nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã phê duyệt.	
<i>Kiểm khuyết, bắt cập đối với Điều 29 của Dự thảo:</i>	
Khuyến nghị về hướng xử lý:	
2.3. Về CBM	

3. Một số khuyến nghị khác

3.1. Bổ khái niệm CBM nhưng vẫn giữ phần lớn các nội dung của CBM

Trong trường hợp như vậy thì:

- Phải sửa “định nghĩa” về ĐTM để bao hàm cả đối tượng CBM theo Dự thảo Dự thảo 5.2. ngày 06/4/2014;
- Sửa các nội dung khác có liên quan đến CBM của Dự thảo 5.2. ngày 06/4/2014
- Thay bản CBM bằng “bản kê khai tác động môi trường”

3.2. Bổ sung quy định về hậu ĐTM

Không chỉ bó hẹp ở việc báo cáo, kiểm tra, xác nhận về việc thực hiện các công trình, biện pháp BVMT như hiện nay đang làm mà còn phải có các nội dung hậu ĐTM khác nữa.